PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2012/TT-BGTVT *Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2012*

THÔNG TƯ
Quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên 1978 sửa đổi 2010 mà Việt Nam là thành viên.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân, thuyền viên có liên quan đến tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam.

2. Thông tư này áp dụng đối với tàu công vụ trong những trường hợp có quy định cụ thể tại Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ước STCW* là Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên 1978 sửa đổi 2010;

2. *Bộ luật STCW* là Bộ luật kèm theo Công ước về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên năm 1978 và các sửa đổi;

3. *Thuyền trưởng* là người có quyền chỉ huy cao nhất ở tàu;

4. *Đại phó* là sỹ quan kế cận thuyền trưởng và là người chỉ huy tàu trong trường hợp thuyền trưởng không còn đủ khả năng chỉ huy tàu;

5. *Sỹ quan boong* là sỹ quan có trình độ nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại các điều khoản của Chương II của Công ước STCW;

6. *Máy trưởng* là sỹ quan máy cao cấp chịu trách nhiệm về sức đẩy cơ học của tàu và vận hành, bảo dưỡng các thiết bị điện và cơ khí của tàu;

7. *Máy hai* là sỹ quan máy kế cận máy trưởng và chịu trách nhiệm về sức đẩy cơ học của tàu và vận hành, bảo dưỡng các thiết bị điện và cơ khí của tàu trong trường hợp máy trưởng không còn đủ khả năng đảm nhiệm;

8. *Sỹ quan máy* là sỹ quan có trình độ nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại các điều khoản của Quy tắc III/1, III/2 hoặc III/3 của Công ước STCW;

9. *Sỹ quan kỹ thuật điện* là sỹ quan có trình độ nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại các điều khoản của Quy tắc III/6 của Công ước STCW;

10. *Sỹ quan thông tin vô tuyến* (sau đây gọi là TTVT) là sỹ quan có trình độ nghiệp vụ chuyên môn theo quy định của các điều khoản của Chương IV của Công ước STCW;

11. *Thợ kỹ thuật điện* là thuyền viên có trình độ nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại các điều khoản của Quy tắc III/7 của Công ước STCW;

12. *Tàu dầu* là tàu được chế tạo và sử dụng để chuyên chở dầu và các sản phẩm dầu;

13. *Tàu hóa chất* là tàu được chế tạo hoặc hoán cải và sử dụng để chở xô các sản phẩm ở dạng lỏng được liệt kê tại Chương 17 của Bộ luật Quốc tế về chở xô hóa chất (IBC Code);

14. *Tàu khí hóa lỏng* là tàu được chế tạo hoặc hoán cải và được sử dụng để chở xô chất khí hóa lỏng được quy định tại Chương 19 của Bộ luật Quốc tế về chở xô khí hóa lỏng (IGC Code);

15. *Tàu khách* là tàu được quy định tại Công ước Quốc tế về an toàn sinh mạng trên biển 1974 sửa đổi (SOLAS 1974);

16. *Tàu khách Ro-Ro* là tàu khách với các khoang hàng Ro-Ro hoặc các khoang đặc biệt được quy định trong Công ước Quốc tế về an toàn sinh mạng trên biển 1974 sửa đổi (SOLAS 1974);

17. *Hành trình gần bờ* là hành trình của tàu biển có tổng dung tích dưới 500GT trong giới hạn bởi đất liền với các đường thẳng nối các điểm tọa độ: 12^{0}00’N,

$100^0$00'E; $23^0$00'N, $100^0$00'E; $23^0$00'N, $114^0$20'E; $12^0$00'N, $114^0$00'E; $12^0$00'N, $116^0$00'E; $07^0$00'N, $116^0$00'E và $07^0$00'N, $102^0$30'E. Ngoài ra, hành trình của các tàu trong vùng nước thuộc chủ quyền và thềm lục địa của Việt Nam đều được xem là hành trình gần bờ;

18. *Sổ ghi nhận huấn luyện* là sổ cấp cho thuyền viên có trình độ đại học thực tập sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên, thực tập sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên; là sổ cấp cho thuyền viên có trình độ cao đẳng hoặc cao đẳng nghề 36 tháng thực tập sỹ quan kỹ thuật điện theo yêu cầu tại Bảng A-III/6 của Bộ luật STCW;

19. *Thời gian thực tập* là thời gian thuyền viên làm việc trên tàu theo chương trình huấn luyện phù hợp với quy định Công ước STCW;

20. *Thời gian tập sự* là thời gian thực tập chức danh trên hạng tàu tương ứng với giấy chứng nhận khả năng chuyên môn dưới sự giám sát của một sỹ quan;

21. *Thời gian đảm nhiệm chức danh* là thời gian làm việc theo chức danh phù hợp với giấy chứng nhận khả năng chuyên môn được cấp;

22. *Thời gian đi biển* là thời gian thuyền viên, học viên làm việc, thực tập trên tàu biển;

23. *Tháng* nghĩa là tháng theo dương lịch hoặc 30 ngày cấu thành từ những khoảng thời gian nhỏ hơn một tháng;

24. *Chức năng* là một nhóm công việc, nhiệm vụ và trách nhiệm quy định tại Bộ luật STCW, cần thiết cho việc vận hành tàu, an toàn sinh mạng trên biển hoặc bảo vệ môi trường biển;

25. *Công ty* là chủ tàu hoặc bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào khác như người quản lý hoặc người thuê tàu trần mà họ nhận trách nhiệm đối với việc vận hành tàu từ chủ tàu và những người đồng ý đảm nhiệm tất cả các nhiệm vụ và trách nhiệm như vậy cho công ty theo các quy định đó;

26. *Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn* (sau đây viết tắt là GCNKNCM) là chứng chỉ được cấp cho thuyền viên theo quy định của Công ước STCW;

27. *Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ* (sau đây viết tắt là GCNHLNV) là chứng chỉ được cấp cho thuyền viên theo quy định của Công ước STCW;

28. *Giấy xác nhận việc công nhận GCNKNCM* là giấy xác nhận do Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam cấp cho thuyền viên nước ngoài đã có GCNKNCM được cấp theo quy định của Công ước STCW để làm việc trên tàu biển Việt Nam;

29. *Giấy xác nhận việc cấp giấy chứng nhận* là giấy xác nhận do Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam cấp cho thuyền viên đã được thủ trưởng cơ sở huấn luyện cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa huấn luyện tương ứng theo quy định tại Quy tắc IV/2 và Quy tắc V/1 của Công ước STCW;

30. *Thủy thủ trực ca OS* là thuyền viên có trình độ nghiệp vụ theo quy định tại các điều khoản của Quy tắc II/4 của Công ước STCW và hoàn thành khóa đào tạo chuyên môn do Bộ Giao thông vận tải quy định;

31. *Thủy thủ trực ca AB* là thuyền viên có trình độ nghiệp vụ theo quy định tại các điều khoản của Quy tắc II/4 và Quy tắc II/5 của Công ước STCW và hoàn thành khóa đào tạo chuyên môn do Bộ Giao thông vận tải quy định;

32. *Thợ máy trực ca Oiler* là thuyền viên có trình độ nghiệp vụ theo quy định tại các điều khoản của Quy tắc III/4 của Công ước STCW và hoàn thành khóa đào tạo chuyên môn do Bộ Giao thông vận tải quy định;

33. *Thợ máy trực ca AB* là thuyền viên có trình độ nghiệp vụ theo quy định tại các điều khoản của Quy tắc III/4 và Quy tắc III/5 của Công ước STCW và hoàn thành khóa đào tạo chuyên môn do Bộ Giao thông vận tải quy định.

Chương II
TIÊU CHUẨN CHUYÊN MÔN CỦA THUYỀN VIÊN

Điều 4. Tiêu chuẩn chuyên môn của thuyền trưởng, đại phó tàu từ 500 GT trở lên

Thuyền trưởng, đại phó tàu từ 500 GT trở lên phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại Mục A-II/1, A-II/2, A-IV/2 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW về các chức năng sau:

1. Hàng hải theo mức quản lý;

2. Kỹ thuật làm hàng và sắp xếp hàng hóa theo mức quản lý;

3. Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu theo mức quản lý;

4. Thông tin liên lạc theo mức vận hành.

Điều 5. Tiêu chuẩn chuyên môn của thuyền trưởng, đại phó tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT hành trình gần bờ và thuyền trưởng tàu dưới 50 GT

Thuyền trưởng, đại phó tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT hành trình gần bờ và thuyền trưởng tàu dưới 50 GT phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại Mục A-II/3, A-IV/2 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW về các chức năng sau đây:

1. Hàng hải theo mức quản lý;

2. Kỹ thuật làm hàng và sắp xếp hàng hóa theo mức quản lý;

3. Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu theo mức quản lý;

4. Thông tin liên lạc theo mức vận hành.

Điều 6. Tiêu chuẩn chuyên môn của sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên

Sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại Mục A-II/1, A-IV/2 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW về các chức năng sau đây:

1. Hàng hải theo mức vận hành;

2. Kỹ thuật làm hàng và sắp xếp hàng hóa theo mức vận hành;

3. Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu theo mức vận hành;

4. Thông tin liên lạc theo mức vận hành.

Điều 7. Tiêu chuẩn chuyên môn của sỹ quan boong tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT hành trình gần bờ

Sỹ quan boong tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT hành trình gần bờ phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại Mục A-II/3, A-IV/2 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW về các chức năng sau đây:

1. Hàng hải theo mức vận hành;

2. Kỹ thuật làm hàng và sắp xếp hàng hóa theo mức vận hành;

3. Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu theo mức vận hành;

4. Thông tin liên lạc theo mức vận hành.

Điều 8. Tiêu chuẩn chuyên môn của thủy thủ trực ca

1. Tiêu chuẩn chuyên môn của thủy thủ trực ca OS

Thủy thủ trực ca OS phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại Mục A-II/4 của Bộ luật STCW về chức năng hàng hải theo mức trợ giúp.

2. Tiêu chuẩn chuyên môn của thủy thủ trực ca AB

Thủy thủ trực ca AB phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại Mục A-II/4 và A-II/5 của Bộ luật STCW về các chức năng sau đây:

a) Hàng hải theo mức trợ giúp;

b) Kỹ thuật làm hàng và sắp xếp hàng hóa theo mức trợ giúp;

c) Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu theo mức trợ giúp;

d) Bảo dưỡng và sửa chữa theo mức trợ giúp.

Điều 9. Tiêu chuẩn chuyên môn của máy trưởng, máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên

Máy trưởng, máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại Mục A-III/1, A-III/2 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW về các chức năng sau đây:

1. Kỹ thuật máy tàu biển theo mức quản lý;

2. Kỹ thuật điện, điện tử và điều khiển máy theo mức quản lý;

3. Bảo dưỡng và sửa chữa theo mức quản lý;

4. Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu theo mức quản lý.

Điều 10. Tiêu chuẩn chuyên môn của máy trưởng, máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW và máy trưởng tàu có tổng công suất máy chính dưới 75 KW

Máy trưởng, máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW và máy trưởng tàu có tổng công suất máy chính dưới 75 KW phải đáp ứng các tiêu

chuẩn chuyên môn theo chương trình đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các chức năng sau đây:

1. Kỹ thuật máy tàu biển theo mức quản lý;

2. Kỹ thuật điện, điện tử và điều khiển máy theo mức quản lý;

3. Bảo dưỡng và sửa chữa theo mức quản lý;

4. Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu theo mức quản lý.

Điều 11. Tiêu chuẩn chuyên môn của sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên

Sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại Mục A-III/1 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW về các chức năng sau đây:

1. Kỹ thuật máy tàu biển theo mức vận hành;

2. Kỹ thuật điện, điện tử và điều khiển máy theo mức vận hành;

3. Bảo dưỡng và sửa chữa theo mức vận hành;

4. Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu theo mức vận hành.

Điều 12. Tiêu chuẩn chuyên môn của sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW

Sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn theo chương trình đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các chức năng sau đây:

1. Kỹ thuật máy tàu biển theo mức vận hành;

2. Kỹ thuật điện, điện tử và điều khiển máy theo mức vận hành;

3. Bảo dưỡng và sửa chữa theo mức vận hành;

4. Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu theo mức vận hành.

Điều 13. Tiêu chuẩn chuyên môn của thợ máy trực ca

1. Tiêu chuẩn chuyên môn của thợ máy trực ca Oiler:

Thợ máy trực ca Oiler phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại Mục A-III/4 của Bộ luật STCW về chức năng kỹ thuật máy tàu biển theo mức trợ giúp.

2. Tiêu chuẩn chuyên môn của thợ máy trực ca AB:

Thợ máy trực ca AB phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại Mục A-III/4 và Mục A-III/5 của Bộ luật STCW về các chức năng sau đây:

a) Kỹ thuật máy tàu biển theo mức trợ giúp;

b) Kỹ thuật điện, điện tử và điều khiển máy theo mức trợ giúp;

c) Bảo dưỡng và sửa chữa theo mức trợ giúp;

d) Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu theo mức trợ giúp.

Điều 14. Tiêu chuẩn chuyên môn của sỹ quan kỹ thuật điện

Sỹ quan kỹ thuật điện phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại Mục A-III/6 của Bộ luật STCW quy định về các chức năng sau đây:

1. Kỹ thuật điện, điện tử và điều khiển theo mức vận hành;

2. Bảo dưỡng và sửa chữa theo mức vận hành;

3. Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu theo mức vận hành.

Điều 15. Tiêu chuẩn chuyên môn của thợ kỹ thuật điện

Thợ kỹ thuật điện phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại Mục A-III/7 của Bộ luật STCW quy định về các chức năng sau đây:

1. Kỹ thuật điện, điện tử và điều khiển theo mức trợ giúp;

2. Bảo dưỡng và sửa chữa theo mức trợ giúp;

3. Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu theo mức trợ giúp.

Chương III
CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN CỦA THUYỀN VIÊN

Mục 1
CÁC LOẠI CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN

Điều 16. Phân loại chứng chỉ chuyên môn

Chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên tàu biển Việt Nam bao gồm các loại sau đây:

1. GCNKNCM;

2. GCNHLNV:

a) Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản (sau đây viết tắt là GCNHLNVCB);

b) Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ đặc biệt (sau đây viết tắt là GCNHLNVĐB);

c) Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn (sau đây viết tắt là GCNHLNVCM).

Điều 17. Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn

1. GCNKNCM do Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam cấp cho thuyền viên để đảm nhiệm các chức danh theo quy định của Thông tư này, các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam và phù hợp với quy định của Công ước STCW.

2. GCNKNCM có giá trị sử dụng không quá 05 năm kể từ ngày cấp.

Điều 18. Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản

1. GCNHLNVCB do cơ sở đào tạo, huấn luyện cấp cho thuyền viên đã hoàn thành chương trình huấn luyện nghiệp vụ cơ bản về kỹ thuật cứu sinh, phòng cháy, chữa cháy, sơ cứu y tế cơ bản, an toàn sinh mạng và trách nhiệm xã hội phù hợp với quy định của Công ước STCW.

2. GCNHLNVCB có giá trị sử dụng không quá 05 năm kể từ ngày cấp.

Điều 19. Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ đặc biệt

1. GCNHLNVĐB do cơ sở đào tạo, huấn luyện cấp cho thuyền viên đã hoàn thành một trong những chương trình huấn luyện nghiệp vụ đặc biệt, phù hợp với quy định của Công ước STCW như sau:

a) Cơ bản tàu dầu, tàu hóa chất, tàu khí hóa lỏng;

b) Nâng cao tàu dầu, tàu hóa chất, tàu khí hóa lỏng;

c) Quản lý đám đông đối với tàu khách và tàu khách Ro-Ro;

d) Huấn luyện an toàn cho nhân viên phục vụ trực tiếp trên khoang hành khách tàu khách và tàu khách Ro-Ro;

đ) Huấn luyện an toàn hành khách, an toàn hàng hóa và tính nguyên vẹn của vỏ tàu đối với tàu khách và tàu khách Ro-Ro;

e) Quản lý khủng hoảng và phản ứng của con người trên tàu khách và tàu khách Ro-Ro.

2. Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ đặc biệt có giá trị sử dụng 5 năm kể từ ngày cấp.

Điều 20. Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn

1. GCNHLNVCM do cơ sở đào tạo, huấn luyện cấp cho thuyền viên đã hoàn thành một trong những chương trình huấn luyện nghiệp vụ, phù hợp với quy định của Công ước STCW như sau:

a) Quan sát và đồ giải Radar;

b) Thiết bị đồ giải radar tự động (ARPA);

c) Hệ thống an toàn và cấp cứu hàng hải toàn cầu (GMDSS): hạng tổng quát (GOC), hạng hạn chế (ROC);

d) Chữa cháy nâng cao;

đ) Sơ cứu y tế;

e) Chăm sóc y tế;

g) Bè cứu sinh, xuồng cứu nạn;

h) Xuồng cứu nạn cao tốc;

i) Nhận thức an ninh tàu biển;

j) Thuyền viên có nhiệm vụ an ninh tàu biển cụ thể;

k) Sỹ quan an ninh tàu biển;

l) Quản lý đội ngũ/nguồn lực buồng lái;

m) Quản lý đội ngũ/nguồn lực buồng máy;

n) Tiếng Anh hàng hải;

o) Hải đồ điện tử;

p) Quản lý an toàn tàu biển.

2. Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn có giá trị sử dụng 5 năm kể từ ngày cấp.

Mục 2
ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN

Điều 21. Điều kiện chung

Để được cấp GCNKNCM, thuyền viên phải có đủ các điều kiện chung sau đây:

1. Có đủ độ tuổi lao động và tiêu chuẩn sức khoẻ theo quy định;

2. Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển, khai thác máy tàu biển hoặc kỹ thuật điện tàu tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải;

3. Các trường hợp sau đây phải bổ túc những môn chưa học hoặc học chưa đủ:

a) Tốt nghiệp chuyên ngành quy định tại khoản 2 Điều này ở các trường khác;

b) Tốt nghiệp chuyên ngành tương tự tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải;

c) Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển phương tiện thủy nội địa, máy phương tiện thủy nội địa hoặc kỹ thuật điện phương tiện thủy nội địa tại các trường đào tạo chuyên ngành đường thủy nội địa.

4. Có hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Mục 5 của Thông tư này;

5. Có đủ điều kiện về chuyên môn và thời gian đảm nhiệm chức danh tương ứng với từng chức danh quy định tại các Điều 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38 và 39 của Thông tư này.

Điều 22. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, đại phó tàu từ 3000 GT trở lên

1. Điều kiện chuyên môn:

a) Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ đại học; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng, cao đẳng nghề có

thời gian đào tạo 36 tháng thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 3 hoặc Tiếng Anh tương đương chứng chỉ C trở lên;

c) Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định của Bộ Giao thông vận tải và đạt kết quả kỳ thi sỹ quan theo mức quản lý tàu từ 3000 GT trở lên.

2. Điều kiện đảm nhiệm chức danh:

a) Đối với đại phó: có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên tối thiểu 24 tháng;

b) Đối với thuyền trưởng:

- Có thời gian đảm nhiệm chức danh đại phó tàu từ 3000 GT trở lên tối thiểu 24 tháng hoặc có thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng tàu từ 500 GT đến dưới 3000 GT tối thiểu 12 tháng và đảm nhiệm chức danh đại phó tàu từ 3000 GT trở lên tối thiểu 12 tháng;

- Đạt kết quả kỳ thi thuyền trưởng tàu từ 3000 GT trở lên.

Điều 23. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, đại phó tàu từ 500 GT đến dưới 3000 GT

1. Điều kiện chuyên môn:

a) Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng, cao đẳng nghề thời gian đào tạo 36 tháng, trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề thời gian đào tạo dưới 36 tháng hoặc trung cấp nghề thời gian đào tạo 24 tháng thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 2 hoặc trình độ Tiếng Anh tương đương chứng chỉ B trở lên;

c) Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định của Bộ Giao thông vận tải và đạt kết quả kỳ thi sỹ quan theo mức quản lý tàu từ 500 GT đến dưới 3000 GT.

2. Điều kiện đảm nhiệm chức danh:

a) Đối với đại phó: có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên tối thiểu 24 tháng;

b) Đối với thuyền trưởng:

- Có thời gian đảm nhiệm chức danh đại phó tàu từ 500 GT đến dưới 3000 GT tối thiểu 24 tháng hoặc đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT hành trình gần bờ tối thiểu 12 tháng và đảm nhiệm chức danh đại phó tàu từ 500 GT đến dưới 3000 GT tối thiểu 12 tháng;

- Đạt kết quả kỳ thi thuyền trưởng tàu từ 500 GT đến dưới 3000 GT.

Điều 24. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, đại phó tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT không hành trình gần bờ

Thuyền trưởng, đại phó tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT không hành trình gần bờ phải có GCNKNCM của thuyền trưởng, đại phó tàu từ 500 GT trở lên.

Điều 25. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, đại phó tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT hành trình gần bờ

1. Điều kiện chuyên môn:

a) Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề thời gian đào tạo dưới 36 tháng hoặc trung cấp nghề thời gian đào tạo 24 tháng; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp nghề thời gian đào tạo dưới 24 tháng hoặc dạy nghề dài hạn từ 12 tháng đến dưới 24 tháng thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 1 hoặc trình độ Tiếng Anh tương đương chứng chỉ A trở lên;

c) Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn theo quy định của Bộ Giao thông vận tải và đạt kết quả kỳ thi sỹ quan theo mức quản lý tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT.

2. Điều kiện đảm nhiệm chức danh:

a) Đối với đại phó: có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan boong tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT hành trình gần bờ tối thiểu 24 tháng;

b) Đối với thuyền trưởng: có thời gian đảm nhiệm chức danh đại phó tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT hành trình gần bờ tối thiểu 24 tháng.

Điều 26. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng tàu dưới 50 GT

1. Điều kiện chuyên môn:

a) Tốt nghiệp trung học cơ sở;

b) Hoàn thành chương trình huấn luyện ngắn hạn chuyên ngành điều khiển tàu biển và đạt kết quả thi theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ sơ cấp nghề thì chỉ cần đạt kết quả thi.

2. Điều kiện thời gian đi biển: có thời gian đi biển tối thiểu 12 tháng.

Điều 27. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên

1. Điều kiện chuyên môn:

a) Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng, cao đẳng nghề thời gian đào tạo 36 tháng; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển

tàu biển trình độ trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề thời gian đào tạo dưới 36 tháng hoặc trung cấp nghề thời gian đào tạo 24 tháng thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Có Tiếng Anh Hàng hải trình độ 2 hoặc trình độ tương đương Tiếng Anh chứng chỉ B trở lên;

c) Đạt kết quả kỳ thi sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên.

2. Điều kiện thời gian đảm nhiệm chức danh:

a) Có thời gian thực tập được ghi nhận trong "Sổ ghi nhận huấn luyện" tối thiểu 12 tháng theo chương trình huấn luyện đáp ứng các yêu cầu tại Mục A-II/1 của Bộ luật STCW hoặc có thời gian đi biển tối thiểu 36 tháng trên tàu từ 500 GT trở lên, trong đó có ít nhất 06 tháng đảm nhiệm chức danh thủy thủ trực ca;

b) Trường hợp đã làm sỹ quan boong trên tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT hành trình gần bờ thì phải có ít nhất 06 tháng đi biển trên tàu từ 500 GT trở lên.

Điều 28. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan boong tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT không hành trình gần bờ

Sỹ quan boong tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT không hành trình gần bờ phải có GCNKNCM của sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên theo quy định tại Điều 27 của Thông tư này.

Điều 29. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan boong tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT hành trình gần bờ

1. Điều kiện chuyên môn:

a) Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề thời gian đào tạo dưới 36 tháng hoặc trung cấp nghề thời gian đào tạo 24 tháng; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp nghề thời gian đào tạo dưới 24 tháng hoặc dạy nghề dài hạn dưới 24 tháng thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 1 hoặc trình độ Tiếng Anh tương đương chứng chỉ A trở lên;

c) Đạt kết quả kỳ thi sỹ quan boong tàu từ 50 GT đến dưới 500 GT.

2. Điều kiện thời gian đảm nhiệm chức danh: có thời gian đi biển tối thiểu 36 tháng trên tàu từ 50 GT trở lên.

Điều 30. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng, máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 3000 KW trở lên

1. Điều kiện chuyên môn:

a) Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ đại học; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng, cao đẳng

nghề thời gian đào tạo 36 tháng thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 3 hoặc trình độ Tiếng Anh tương đương chứng chỉ C trở lên;

c) Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định của Bộ Giao thông vận tải và đạt kết quả kỳ thi sỹ quan theo mức quản lý tàu có tổng công suất máy chính từ 3000 KW trở lên.

2. Điều kiện đảm nhiệm chức danh:

a) Đối với máy hai: có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên tối thiểu 24 tháng;

b) Đối với máy trưởng:

- Có thời gian đảm nhiệm chức danh máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 3000 KW trở lên tối thiểu 24 tháng hoặc đảm nhiệm chức danh máy trưởng tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW đến dưới 3000 KW tối thiểu 12 tháng và đảm nhiệm chức danh máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 3000 KW trở lên tối thiểu 12 tháng;

- Đạt kết quả kỳ thi máy trưởng tàu có tổng công suất máy chính từ 3000 KW trở lên.

Điều 31. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng, máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW đến dưới 3000 KW

1. Điều kiện chuyên môn:

a) Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng, cao đẳng nghề thời gian đào tạo 36 tháng; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề thời gian đào tạo dưới 36 tháng hoặc trung cấp nghề thời gian đào tạo 24 tháng thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 2 hoặc trình độ Tiếng Anh tương đương chứng chỉ B trở lên;

c) Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định của Bộ Giao thông vận tải và đạt kết quả kỳ thi sỹ quan theo mức quản lý tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW đến dưới 3000 KW.

2. Điều kiện đảm nhiệm chức danh:

a) Đối với máy hai: có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên tối thiểu 24 tháng;

b) Đối với máy trưởng:

- Có thời gian đảm nhiệm chức danh máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW đến dưới 3000 KW tối thiểu 24 tháng hoặc đảm nhiệm chức danh máy

trưởng tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW tối thiểu 12 tháng và đảm nhiệm chức danh máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW đến dưới 3000 KW tối thiểu 12 tháng;

- Đạt kết quả kỳ thi máy trưởng tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW đến dưới 3000 KW.

Điều 32. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng, máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW

1. Điều kiện chuyên môn:

a) Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề thời gian đào tạo 24 tháng, cao đẳng nghề thời gian đào tạo dưới 36 tháng; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp nghề thời gian đào tạo dưới 24 tháng hoặc dạy nghề dài hạn thời gian dưới 24 tháng thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 1 hoặc trình độ Tiếng Anh tương đương chứng chỉ A trở lên;

c) Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định của Bộ Giao thông vận tải và đạt kết quả kỳ thi sỹ quan theo mức quản lý tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW.

2. Điều kiện thời gian đảm nhiệm chức danh:

a) Đối với máy hai: có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW tối thiểu 24 tháng;

b) Đối với máy trưởng: có thời gian đảm nhiệm chức danh máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW tối thiểu 24 tháng hoặc đảm nhiệm chức danh sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW tối thiểu 36 tháng.

Điều 33. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng tàu có tổng công suất máy chính dưới 75 KW

1. Điều kiện chuyên môn:

a) Tốt nghiệp trung học cơ sở;

b) Hoàn thành chương trình huấn luyện ngắn hạn chuyên ngành khai thác máy tàu biển và đạt kết quả thi theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; trường hợp đã tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ sơ cấp nghề thì chỉ cần đạt kết quả thi.

2. Điều kiện thời gian đi biển: có thời gian đi biển tối thiểu 12 tháng.

Điều 34. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên

1. Điều kiện chuyên môn:

a) Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng, cao đẳng nghề thời gian đào tạo 36 tháng; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề thời gian đào tạo dưới 36 tháng hoặc trung cấp nghề thời gian đào tạo 24 tháng thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 2 hoặc trình độ Tiếng Anh tương đương chứng chỉ B trở lên;

c) Đạt kết quả kỳ thi sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên.

2. Điều kiện thời gian đảm nhiệm chức danh:

a) Có thời gian thực tập được ghi trong "Sổ ghi nhận huấn luyện" tối thiểu 12 tháng theo chương trình huấn luyện đáp ứng các yêu cầu tại Mục A-III/1 của Bộ luật STCW hoặc có thời gian đi biển tối thiểu 36 tháng trên tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên trong đó phải có ít nhất 06 tháng đảm nhiệm chức danh thợ máy trực ca;

b) Trường hợp đã đảm nhiệm chức danh sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW thì phải có ít nhất 06 tháng đi biển trên tàu có tổng công suất máy chính từ 750 KW trở lên.

Điều 35. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW

1. Điều kiện chuyên môn:

a) Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề thời gian đào tạo dưới 36 tháng hoặc trung cấp nghề thời gian đào tạo 24 tháng; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp nghề thời gian đào tạo dưới 24 tháng hoặc dạy nghề dài hạn thời gian đào tạo dưới 24 tháng thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 1 hoặc trình độ Tiếng Anh tương đương chứng chỉ A trở lên;

c) Đạt kết quả kỳ thi sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW đến dưới 750 KW.

2. Điều kiện thời gian đảm nhiệm chức danh: có thời gian đi biển tối thiểu 36 tháng trên tàu có tổng công suất máy chính từ 75 KW trở lên.

Điều 36. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca

1. Thủy thủ trực ca OS:

a) Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp nghề thời gian đào tạo dưới 24 tháng; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ sơ cấp nghề phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản;

c) Có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ nhận thức an ninh tàu biển;

d) Có thời gian đi biển 06 tháng hoặc tập sự thủy thủ trực ca OS 02 tháng.

2. Thủy thủ trực ca AB:

a) Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp nghề thời gian đào tạo dưới 24 tháng; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ sơ cấp nghề phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản;

c) Có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ nhận thức an ninh tàu biển;

d) Có thời gian đi biển 18 tháng hoặc tập sự thủy thủ trực ca AB 12 tháng.

Điều 37. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thợ máy trực ca

1. Thợ máy trực ca Oiler:

a) Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp nghề thời gian đào tạo dưới 24 tháng; trường hợp tốt nghiệp chuyên khai thác máy tàu biển trình độ sơ cấp nghề phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản;

c) Có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ nhận thức an ninh tàu biển;

d) Có thời gian đi biển 06 tháng hoặc tập sự thợ máy trực ca Oiler 02 tháng.

2. Thợ máy trực ca AB:

a) Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp nghề thời gian đào tạo dưới 24 tháng; trường hợp tốt nghiệp chuyên khai thác máy tàu biển trình độ sơ cấp nghề phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản;

c) Có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ nhận thức về an ninh tàu biển;

d) Có thời gian đi biển 18 tháng hoặc tập sự thợ máy trực ca AB 12 tháng.

Điều 38. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan kỹ thuật điện

1. Điều kiện chuyên môn:

a) Tốt nghiệp chuyên ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ cao đẳng, cao đẳng nghề thời gian đào tạo 36 tháng; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề thời gian đào tạo dưới 36 tháng hoặc trung cấp nghề thời gian đào tạo 24 tháng thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Có Tiếng Anh hàng hải trình độ 2 hoặc trình độ Tiếng Anh tương đương chứng chỉ B trở lên;

c) Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định của Bộ Giao thông vận tải và đạt kết quả kỳ thi sỹ quan kỹ thuật điện tàu biển.

2. Điều kiện thời gian đảm nhiệm chức danh: có thời gian thực tập được ghi trong "Sổ ghi nhận huấn luyện" tối thiểu 12 tháng theo chương trình huấn luyện đáp ứng các yêu cầu tại Bảng A-III/6 của Bộ luật STCW hoặc có thời gian đi biển tối thiểu 36 tháng.

Điều 39. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thợ kỹ thuật điện

1. Tốt nghiệp chuyên ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ trung cấp nghề thời gian đào tạo dưới 24 tháng; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ sơ cấp nghề thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ Giao thông vận tải quy định;

2. Có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản;

3. Có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ nhận thức an ninh tàu biển;

4. Có thời gian đi biển 06 tháng hoặc tập sự thợ kỹ thuật điện 03 tháng.

Mục 3
TỔ CHỨC THI SỸ QUAN

Điều 40. Hội đồng thi sỹ quan

1. Hội đồng thi sỹ quan (sau đây gọi là Hội đồng thi) do Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam thành lập, gồm từ 05 đến 07 thành viên: Chủ tịch Hội đồng thi là lãnh đạo Cục Hàng hải Việt Nam; các ủy viên là đại diện Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Giao thông vận tải, đại diện của một số phòng chức năng có liên quan của Cục Hàng hải Việt Nam, thủ trưởng cơ sở đào tạo, huấn luyện.

2. Hội đồng thi có nhiệm vụ:

a) Tham mưu để Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định: danh sách thí sinh; thành lập Ban Giám khảo kỳ thi sỹ quan (sau đây gọi là Ban Giám khảo) để tổ chức coi thi và chấm thi; lựa chọn đề thi cho từng hạng chức danh; công nhận kết quả kỳ thi;

b) Tổ chức, kiểm tra, giám sát điều hành các kỳ thi;

c) Tổng hợp báo cáo kết quả kỳ thi;

d) Xử lý các vi phạm quy chế thi.

Điều 41. Ban Giám khảo

1. Ban Giám khảo do Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi.

2. Số lượng thành viên Ban Giám khảo tùy thuộc vào số lượng thí sinh dự thi nhưng tối thiểu phải có 03 thành viên, trong đó ít nhất 1/3 thành viên giám khảo không tham gia trực tiếp giảng dạy. Thành viên Ban Giám khảo là thuyền trưởng, máy trưởng, chuyên gia trong lĩnh vực hàng hải, lĩnh vực quản lý, nhà giáo có nghiệp vụ sư phạm, năng lực, kinh nghiệm và trình độ chuyên môn tương ứng với trình độ và khả năng chuyên môn theo yêu cầu của mỗi khóa thi.

3. Nhiệm vụ của Ban Giám khảo:

a) Hỏi thi, chấm thi nghiêm túc, công minh, chính xác, đánh giá đúng trình độ của thí sinh;

b) Phát hiện sai sót trong đề thi, đề nghị Hội đồng thi điều chỉnh kịp thời;

c) Phát hiện, kiến nghị Chủ tịch Hội đồng thi những hiện tượng tiêu cực trong kỳ thi để kịp thời giải quyết.

Điều 42. Huấn luyện viên chính

1. Huấn luyện viên chính tại cơ sở đào tạo, huấn luyện hoặc trên tàu là những người có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn, được đào tạo về nghiệp vụ huấn luyện theo chương trình do Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và được Cục Hàng hải Việt Nam cấp Chứng chỉ huấn luyện viên chính.

2. Huấn luyện viên chính phải có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn và chứng chỉ huấn luyện phù hợp với khóa học tương ứng; trường hợp trong khóa học có sử dụng mô phỏng thì phải có chứng chỉ phù hợp với chương trình mô phỏng mà mình giảng dạy;

3. Huấn luyện viên chính hoặc người có Chứng chỉ huấn luyện viên do nước ngoài cấp phù hợp với Công ước STCW 1978 sửa đổi 2010 mới được cử làm nhiệm vụ huấn luyện cho các khóa học tương ứng; huấn luyện thuyền viên, ghi sổ huấn luyện thực tập trên tàu biển.

Mục 4
HUẤN LUYỆN VÀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN

Điều 43. Huấn luyện nghiệp vụ cơ bản, nghiệp vụ nhận thức an ninh tàu biển

1. Học viên tốt nghiệp cơ sở đào tạo, huấn luyện chuyên ngành hàng hải thì

được cơ sở đó cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản; Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ nhận thức an ninh tàu biển.

2. Trường hợp thuyền viên chưa qua huấn luyện nghiệp vụ cơ bản; nghiệp vụ nhận thức an ninh tàu biển thì phải hoàn thành chương trình huấn luyện nghiệp vụ cơ bản; nghiệp vụ nhận thức an ninh tàu biển theo quy định và được cơ sở đào tạo, huấn luyện cấp giấy chứng nhận.

Điều 44. Huấn luyện nghiệp vụ đặc biệt

1. Huấn luyện nghiệp vụ đặc biệt được áp dụng đối với thuyền viên làm việc trên tàu dầu, tàu chở hóa chất, tàu chở khí hóa lỏng, tàu khách và tàu khách Ro-Ro.

2. Huấn luyện nghiệp vụ đặc biệt đối với thuyền viên làm việc trên tàu dầu, tàu chở hóa chất, tàu chở khí hóa lỏng bao gồm huấn luyện nghiệp vụ cơ bản và huấn luyện nghiệp vụ nâng cao.

3. Huấn luyện nghiệp vụ đặc biệt đối với thuyền viên làm việc trên tàu khách và tàu khách Ro-Ro bao gồm huấn luyện nghiệp vụ an toàn cho nhân viên phục vụ trực tiếp trên khoang hành khách; huấn luyện nghiệp vụ an toàn hành khách, an toàn hàng hóa và tính nguyên vẹn của vỏ tàu; quản lý đám đông và quản lý khủng hoảng.

4. Đối với tàu dầu, tàu chở hóa chất, tàu chở khí hóa lỏng, Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ làm quen được cấp cho thuyền viên đã hoàn thành chương trình huấn luyện nghiệp vụ làm quen và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

5. Đối với tàu dầu, tàu hóa chất, tàu chở khí hóa lỏng, Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ nâng cao được cấp cho thuyền trưởng, máy trưởng, đại phó, máy hai, sỹ quan và các thuyền viên khác chịu trách nhiệm về xếp dỡ và chăm sóc hàng hóa đã hoàn thành chương trình huấn luyện nghiệp vụ nâng cao và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

6. Đối với tàu khách và tàu khách Ro-Ro, GCNHLNVĐB được cấp cho việc hoàn thành một hoặc tất cả những nội dung huấn luyện sau đây:

a) Thuyền trưởng, đại phó, sỹ quan và thuyền viên khác được giao nhiệm vụ giúp đỡ hành khách trong tình huống khẩn cấp đã hoàn thành chương trình huấn luyện nghiệp vụ về quản lý đám đông và thi đạt yêu cầu theo quy định;

b) Thuyền trưởng, đại phó, máy trưởng, máy hai và thuyền viên khác chịu trách nhiệm về việc lên xuống tàu của hành khách, bốc dỡ, chằng buộc hàng hóa, đóng mở cửa bên mạn, phía mũi, sau lái tàu đã hoàn thành chương trình huấn luyện nghiệp vụ về an toàn hành khách, an toàn hàng hóa và tính nguyên vẹn của vỏ tàu và đạt kết quả kỳ thi theo quy định;

c) Thuyền trưởng, đại phó, máy trưởng, máy hai và thuyền viên khác chịu trách nhiệm về an toàn của hành khách trong tình huống khẩn cấp đã hoàn thành chương trình huấn luyện nghiệp vụ về quản lý khủng hoảng, ứng xử trong tình huống khẩn cấp và đạt kết quả kỳ thi theo quy định;

d) Thuyền viên trực tiếp phục vụ hành khách trong khu vực hành khách đã hoàn thành chương trình huấn luyện nghiệp vụ về an toàn và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

Điều 45. Huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn

1. Quan sát và đồ giải Radar: Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về quan sát và đồ giải Radar được cấp cho thuyền trưởng, đại phó, sỹ quan boong đã hoàn thành khóa huấn luyện và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

2. ARPA: Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về ARPA được cấp cho thuyền trưởng, đại phó, sỹ quan boong đã hoàn thành khóa huấn luyện và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

3. GMDSS:

a) Giấy chứng nhận khai thác viên tổng quát (GOC) được cấp cho thuyền trưởng, đại phó, sỹ quan boong làm việc trên tàu có trang bị GMDSS hoạt động trong vùng A2, A3, A4 đã hoàn thành khóa huấn luyện khai thác viên tổng quát và đạt kết quả thi theo quy định của Bộ trưởng Bộ Thông tin - Truyền thông;

b) Giấy chứng nhận khai thác viên hạn chế (ROC) được cấp cho thuyền trưởng, đại phó, sỹ quan boong làm việc trên tàu có trang bị GMDSS hoạt động trong vùng A1 đã hoàn thành khóa huấn luyện khai thác viên hạn chế và đạt kết quả thi theo quy định.

4. Hải đồ điện tử (ECDIS): Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về Hải đồ điện tử được cấp cho thuyền trưởng, đại phó, sỹ quan boong đã hoàn thành khóa huấn luyện và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

5. Tiếng Anh hàng hải: Chứng chỉ Tiếng Anh hàng hải được cấp cho thuyền viên đã hoàn thành khóa huấn luyện về Tiếng Anh hàng hải và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

6. Quản lý nguồn lực buồng lái: Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về quản lý nguồn lực buồng lái được cấp cho thuyền trưởng, đại phó, sỹ quan boong đã hoàn thành khóa huấn luyện và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

7. Quản lý nguồn lực buồng máy: Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về quản lý nguồn lực buồng máy được cấp cho máy trưởng, máy hai và sỹ quan máy đã hoàn thành khóa huấn luyện và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

8. Nhận thức an ninh tàu biển: Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về nhận thức an ninh tàu biển được cấp cho thuyền viên hoàn thành khóa huấn luyện nhận thức an ninh tàu biển và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

9. Thuyền viên có nhiệm vụ an ninh tàu biển cụ thể: Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về thuyền viên có nhiệm vụ an ninh tàu biển cụ thể được cấp cho việc hoàn thành khóa huấn luyện đối với thuyền viên có nhiệm vụ an ninh tàu biển cụ thể và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

10. Sỹ quan an ninh tàu biển: Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về sỹ quan an ninh tàu biển được cấp cho thuyền trưởng, đại phó, sỹ quan boong đã hoàn thành khóa huấn luyện và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

11. Chữa cháy nâng cao: Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về chữa cháy nâng cao được cấp cho sỹ quan boong, sỹ quan máy đã hoàn thành chương trình huấn luyện về chữa cháy nâng cao và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

12. Sơ cứu y tế: Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về sơ cứu y tế được cấp cho sỹ quan boong, sỹ quan máy đã hoàn thành chương trình huấn luyện về sơ cứu y tế và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

13. Chăm sóc y tế: Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về chăm sóc y tế được cấp cho thuyền trưởng, đại phó, thuyền viên chịu trách nhiệm chăm sóc y tế trên tàu đã hoàn thành chương trình huấn luyện và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

14. Bè cứu sinh, xuồng cứu nạn: Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về bè cứu sinh, xuồng cứu nạn được cấp cho sỹ quan boong, sỹ quan máy, thủy thủ trưởng, thợ máy đã hoàn thành chương trình huấn luyện và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

15. Xuồng cứu nạn cao tốc: Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về xuồng cứu nạn cao tốc được cấp cho sỹ quan boong, sỹ quan máy, thủy thủ trưởng, thợ máy làm việc trên tàu có trang bị xuồng cứu nạn cao tốc đã hoàn thành chương trình huấn luyện và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

Thuyền viên muốn được huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về xuồng cứu nạn cao tốc phải có Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ bè cứu sinh và xuồng cứu nạn.

16. Quản lý an toàn tàu biển: Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về quản lý an toàn tàu biển được cấp cho việc hoàn thành khóa huấn luyện về quản lý an toàn tàu biển và đạt kết quả kỳ thi theo quy định.

Điều 46. Cơ sở đào tạo, huấn luyện

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện là trường, trung tâm đào tạo, huấn luyện, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng và được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chấp thuận trên cơ sở đảm bảo các điều kiện sau:

a) Đáp ứng đủ số lượng giảng viên, giáo viên, huấn luyện viên đảm bảo tiêu chuẩn theo yêu cầu của từng chương trình đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng;

b) Có chương trình đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng và tài liệu giảng dạy theo quy định của Bộ Giao thông vận tải, phù hợp với các chương trình mẫu của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO Model Course);

c) Đáp ứng đủ các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ huấn luyện theo quy định tại từng chương trình đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng

được Bộ Giao thông vận tải ban hành, phù hợp với thiết bị được quy định tại các chương trình mẫu của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO Model Course);

d) Có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng đào tạo ISO.

2. Cơ sở đào tạo, huấn luyện có trách nhiệm:

a) Tổ chức đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng theo chương trình đã được phê duyệt;

b) Tổ chức thi và đánh giá kết quả thi;

c) Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ;

d) Hàng năm báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam về tình hình huấn luyện, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện và tiến hành đánh giá nội bộ theo quy định của Công ước STCW và các sửa đổi.

3. Trong khoảng thời gian 05 năm, các cơ sở đào tạo, huấn luyện phải được đánh giá độc lập theo quy định của Công ước STCW và các sửa đổi.

Điều 47. Xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận

Thuyền viên Việt Nam đã được cơ sở đào tạo, huấn luyện cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ đặc biệt về làm quen và nâng cao đối với tàu dầu, tàu chở hóa chất, tàu chở khí hóa lỏng, GOC, ROC phải được Cục Hàng hải Việt Nam cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận.

Mục 5
THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, CẤP LẠI, CÔNG NHẬN, XÁC NHẬN GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ

Điều 48. Thủ tục cấp Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn

1. Đối tượng cấp là thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam.

2. Tổ chức, cá nhân trực tiếp nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị công nhận GCNKNCM tại Cục Hàng hải Việt Nam hoặc gửi qua hệ thống bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của tổ chức quản lý thuyền viên theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư này;

b) Bản sao (được hợp pháp hóa lãnh sự) GCNKNCM;

c) Hai ảnh màu, cỡ 3x4 cm, kiểu chứng minh nhân dân chụp trong vòng 06 tháng.

3. Cục Hàng hải Việt Nam nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định, vào sổ và hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định:

a) Trong trường hợp nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định;

b) Trong trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục Hàng hải Việt Nam thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

c) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy công nhận GCNKNCM theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

4. Phí và lệ phí: lệ phí cấp Giấy công nhận GCNKNCM thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 49. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện

1. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính là thuyền viên đảm nhiệm chức danh thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện theo quy định của Thông tư này và Công ước STCW;

2. Tổ chức, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp GCNKNCM thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện trực tiếp tại Cục Hàng hải Việt Nam hoặc gửi qua đường bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị của thuyền viên theo mẫu tại Phụ lục III hoặc văn bản đề nghị của trường, tổ chức quản lý thuyền viên theo mẫu tại Phụ lục IV của Thông tư này;

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc công chứng hoặc bản sao chụp có bản chính để đối chiếu một trong ba loại giấy tờ sau: Bằng tốt nghiệp hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp, hoặc Quyết định tốt nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đã học trái ngành;

c) Giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định;

d) Hai ảnh màu, cỡ 3 x 4 cm, kiểu chứng minh nhân dân chụp trong vòng 06 tháng;

đ) Giấy xác nhận thời gian tập sự trực ca (đối với trường hợp học trái ngành hoặc chỉ có trình độ sơ cấp nghề).

3. Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định, vào sổ và hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định:

a) Trong trường hợp nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định;

b) Trong trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục Hàng hải Việt Nam thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

c) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp GCNKNCM thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện theo quy định, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện việc cấp GCNKNCM thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện tàu biển theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

4. Phí và lệ phí: lệ phí cấp GCNKNCM thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện tàu biển thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 50. Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn

1. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính là thuyền viên có GCNKNCM đã hết thời hạn sử dụng và đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Trong độ tuổi lao động và đảm bảo tiêu chuẩn sức khoẻ theo quy định;

b) Đã đảm nhiệm chức danh phù hợp với GCNKNCM được cấp tổng cộng 12 tháng trở lên trong thời hạn 05 năm; trường hợp không đảm bảo đủ thời gian này thì phải tập sự 03 tháng theo chức danh của GCNKNCM trong 06 tháng ngay trước khi gia hạn.

2. Tổ chức, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị gia hạn GCNKNCM trực tiếp tại Cục Hàng hải Việt Nam hoặc gửi qua đường bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị của thuyền viên theo mẫu tại Phụ lục V hoặc văn bản đề nghị của tổ chức quản lý thuyền viên thực hiện theo mẫu tại Phụ lục VI của Thông tư này;

b) Bản chính GCNKNCM hết hạn sử dụng (trường hợp thuyền viên đi công tác xa không thể nộp bản chính GCNKNCM hết hạn sử dụng, phải nộp trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày thuyền viên trở về Việt Nam);

c) Giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định;

d) Hai ảnh màu, cỡ 3 x 4 cm, kiểu chứng minh nhân dân chụp trong vòng 06 tháng.

3. Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định, vào sổ và hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định:

a) Trong trường hợp nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định;

b) Trong trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục Hàng hải Việt Nam thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

c) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện gia hạn GCNKNCM theo quy định, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện việc cấp GCNKNCM theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

4. Phí và lệ phí: lệ phí gia hạn GCNKNCM thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 51. Thủ tục cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hệ GMDSS hạng tổng quát (GOC), Giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hệ GMDSS hạng hạn chế (ROC) và Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ đặc biệt (GCNHLNVĐB)

1. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính là thuyền viên có GOC, ROC và GCNHLNVĐB.

2. Tổ chức, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị xác nhận việc cấp GCNHLNVĐB trực tiếp tại Cục Hàng hải Việt Nam hoặc gửi qua đường bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị của thuyền viên theo mẫu tại Phụ lục VII hoặc văn bản đề nghị của tổ chức quản lý thuyền viên theo mẫu tại Phụ lục VIII của Thông tư này;

b) Bản sao (có chứng thực) Giấy chứng nhận GOC; ROC; GCNHLNVĐB;

c) Hai ảnh màu, cỡ 3 x 4 cm, kiểu chứng minh nhân dân chụp trong vòng 06 tháng.

3. Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định, vào sổ và hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định.

a) Trong trường hợp nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định;

b) Trong trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục Hàng hải Việt Nam thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

c) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện xác nhận việc cấp GOC, ROC, GCNHLNVĐB theo quy định, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy xác nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này;

4. Phí và lệ phí: lệ phí xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận GOC, ROC, GCNHLNVĐB thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 52. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính

1. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính là huấn luyện viên đáp ứng được quy định của Thông tư này và Công ước STCW.

2. Tổ chức, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính trực tiếp tại Cục Hàng hải Việt Nam hoặc gửi qua đường bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính của huấn luyện viên theo mẫu tại Phụ lục IX hoặc văn bản đề nghị của trường, cơ sở huấn luyện theo mẫu tại Phụ lục X của Thông tư này;

b) Giấy xác nhận tham gia khóa huấn luyện dành cho huấn luyện viên chính đối với khóa học tương ứng;

c) Hai ảnh màu, cỡ 3 x 4 cm, kiểu chứng minh nhân dân chụp trong vòng 06 tháng.

3. Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định, vào sổ và hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định.

a) Trong trường hợp nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định;

b) Trong trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục Hàng hải Việt Nam thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

c) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính theo quy định, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

4. Phí và lệ phí: lệ phí cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 53. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận, Giấy công nhận, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính

1. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính là thuyền viên có GCNKNCM, Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận, Giấy công nhận GCNKNCM, Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận) bị hư hỏng, sai thông tin hoặc bị mất.

2. Tổ chức, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp lại GCN trực tiếp tại Cục Hàng hải Việt Nam hoặc gửi qua đường bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị của thuyền viên theo mẫu tại Phụ lục XI hoặc văn bản đề nghị của tổ chức quản lý thuyền viên thực hiện theo mẫu tại Phụ lục XII của Thông tư này;

b) Bản chính Giấy chứng nhận bị hư hỏng hoặc sai thông tin;

c) Giấy tờ có giá trị pháp lý chứng minh sự điều chỉnh đối với trường hợp bị sai thông tin;

d) Hai ảnh màu, cỡ 3 x 4 cm, kiểu chứng minh nhân dân chụp trong vòng 06 tháng.

3. Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định, vào sổ và hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định:

a) Trong trường hợp nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ theo quy định;

b) Trong trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục Hàng hải Việt Nam thông báo bằng văn bản chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

c) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

4. Phí và lệ phí: lệ phí cấp lại Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 54. Thu hồi Chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên

Chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên bị thu hồi trong trường hợp thuyền viên giả mạo giấy tờ hồ sơ để dự thi hoặc tẩy xóa, giả mạo, mua bán, cho thuê, cho mượn Chứng chỉ chuyên môn. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định việc thu hồi.

Điều 55. Thủ tục phê duyệt danh sách học viên tham dự khóa đào tạo nâng cao, khóa bồi dưỡng nghiệp vụ; dự thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng và cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng

1. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính là tổ chức, cá nhân liên quan tới khóa đào tạo nâng cao, khóa bồi dưỡng nghiệp vụ; dự thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng và cấp GCNKNCM sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng.

2. Tổ chức, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ của mỗi học viên tham dự khóa đào tạo nâng cao, khóa bồi dưỡng nghiệp vụ; dự thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng trực tiếp tại cơ sở đào tạo, huấn luyện hoặc gửi qua đường bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục XIII của Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực Bằng tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo, Giấy chứng nhận đào tạo nâng cao và Giấy chứng nhận đã học trái ngành (nếu có);

c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của tổ chức quản lý thuyền viên hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đăng ký hộ khẩu;

d) Bản sao chụp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn;

đ) Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế cấp quận (huyện) hoặc tương đương trở lên;

e) Bản sao chụp các GCNHLNV, Chứng chỉ Tiếng Anh hàng hải theo quy định đối với chức danh dự thi;

g) Bản khai thời gian đi biển (không cần xác nhận của tổ chức quản lý thuyền viên) theo mẫu tại Phụ lục XIV của Thông tư này;

h) Bản sao có chứng thực Sổ thuyền viên;

i) Hai ảnh màu, cỡ 3 x 4 cm, kiểu chứng minh nhân dân chụp trong vòng 06 tháng.

3. Cơ sở đào tạo, huấn luyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định, vào sổ và thông báo kết quả cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp hồ sơ không đúng quy định, cơ sở đào tạo, huấn luyện hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp không đủ điều kiện tham dự khóa đào tạo, huấn luyện, dự thi theo quy định, phải thông báo và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ sở đào tạo, huấn luyện nộp 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp tại Cục Hàng hải Việt Nam hoặc gửi qua đường bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo, huấn luyện về việc xét duyệt danh sách học viên tham dự khóa đào tạo nâng cao, khóa bồi dưỡng nghiệp vụ, dự thi sỹ quan; thuyền trưởng, máy trưởng theo mẫu tại Phụ lục XV của Thông tư này;

b) 01 bộ hồ sơ của học viên (gửi kèm).

5. Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, duyệt hồ sơ và ra quyết định người có đủ điều kiện dự khóa đào tạo, huấn luyện, dự thi. Trường hợp không đủ điều kiện phải thông báo và nêu rõ lý do.

6. Căn cứ báo cáo kết quả kỳ thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng của Hội đồng thi sỹ quan, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, Cục Hàng hải Việt Nam ra quyết định công nhận kết quả kỳ thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng và cấp GCNKNCM.

7. Phí và lệ phí: lệ phí phê duyệt danh sách học viên tham dự khóa đào tạo nâng cao, khóa bồi dưỡng nghiệp vụ, dự thi sỹ quan, thi thuyền trưởng, máy trưởng và cấp GCNKNCM thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Chương IV
ĐỊNH BIÊN AN TOÀN TỐI THIỂU

Điều 56. Khung định biên an toàn tối thiểu

1. Quy định chung đối với tàu biển Việt Nam

a) Định biên an toàn tối thiểu bộ phận boong theo tổng dung tích (GT):

Chức danh	Dưới 50 GT	Từ 50 GT đến dưới 500 GT	Từ 500 GT đến dưới 3000 GT	Từ 3000 GT trở lên
Thuyền trưởng	01	01	01	01
Đại phó		01	01	01

Chức danh	Dưới 50 GT	Từ 50 GT đến dưới 500 GT	Từ 500 GT đến dưới 3000 GT	Từ 3000 GT trở lên
Sỹ quan boong			01	02
Sỹ quan TTVT (*)			01	01
Thủy thủ trực ca	01	01	02	02
Tổng cộng	**02**	**03**	**06**	**07**

(*) Trường hợp sỹ quan boong có chứng chỉ chuyên môn phù hợp để đảm nhiệm nhiệm vụ khai thác thiết bị vô tuyến điện trên tàu thì không phải bố trí chức danh sỹ quan TTVT.

b) Định biên an toàn tối thiểu bộ phận máy theo tổng công suất máy chính (KW):

Chức danh	Dưới 75 KW	Từ 75 KW đến dưới 750 KW	Từ 750 KW đến dưới 3000 KW	Từ 3000 KW trở lên
Máy trưởng	01	01	01	01
Máy hai			01	01
Sỹ quan máy		01	01	01
Sỹ quan kỹ thuật điện (*)				01
Thợ máy trực ca		01	02	03
Thợ kỹ thuật điện (*)			01	
Tổng cộng	**01**	**03**	**06**	**07**

(*) Các chức danh: sỹ quan kỹ thuật điện và thợ kỹ thuật điện được quy định bắt buộc trong định biên an toàn tối thiểu bộ phận máy kể từ ngày 01/01/2017.

2. Căn cứ vào đặc tính kỹ thuật, mức độ tự động hóa và vùng hoạt động của tàu, Cơ quan đăng ký tàu biển quyết định định biên an toàn tối thiểu của tàu phù hợp với thực tế sử dụng, khai thác tàu.

3. Đối với tàu khách và tàu khách Ro-Ro, căn cứ vào đặc tính kỹ thuật, số lượng hành khách, vùng hoạt động của tàu, Cơ quan đăng ký tàu biển quy định định biên an toàn tối thiểu nhưng phải bố trí thêm ít nhất 01 thuyền viên phụ trách hành khách so với quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Đối với tàu công vụ, căn cứ vào cỡ tàu, đặc tính kỹ thuật và vùng hoạt động của tàu, Cơ quan đăng ký tàu biển quyết định định biên an toàn tối thiểu.

5. Mẫu Giấy chứng nhận định biên an toàn tối thiểu theo quy định tại mẫu Phụ lục XVI của Thông tư này.

Điều 57. Bố trí thuyền viên trên tàu biển Việt Nam

1. Chủ tàu có trách nhiệm bố trí thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.

2. Việc bố trí thuyền viên đảm nhiệm chức danh trên tàu biển Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Phải có GCNKNCM, GCNHLNV phù hợp với chức danh mà thuyền viên đó đảm nhiệm;

b) Thuyền viên được bố trí làm việc trên tàu dầu, tàu chở hóa chất, tàu chở khí hóa lỏng, tàu khách, tàu khách Ro-Ro thì ngoài GCNKNCM và các GCNHLNV cần phải có khi làm việc trên tàu biển thông thường, còn phải có GCNHLNV tương ứng với từng chức danh trên loại tàu đó.

3. Nguyên tắc bố trí chức danh trong một số trường hợp đặc biệt:

a) Đối với việc bố trí chức danh thuyền trưởng, đại phó, máy trưởng, máy hai, sỹ quan boong, sỹ quan máy làm việc trên tàu lai dắt, tàu công trình, tàu tìm kiếm cứu nạn và các tàu công vụ khác thì Cục Hàng hải Việt Nam căn cứ cỡ tàu, đặc tính kỹ thuật và vùng hoạt động của tàu hướng dẫn Cơ quan đăng ký tàu biển thực hiện;

b) Trong trường hợp tàu đang hành trình trên biển mà thuyền trưởng, máy trưởng không còn khả năng đảm nhiệm chức năng, chủ tàu, người khai thác tàu có thể bố trí đại phó, máy hai thay thế thuyền trưởng hoặc máy trưởng để có thể tiếp tục chuyến đi nhưng chỉ đến cảng tới đầu tiên;

c) Thuyền trưởng tàu khách phải có thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng của tàu không phải là tàu khách cùng hạng tối thiểu 24 tháng hoặc đã đảm nhiệm chức danh đại phó tàu khách tối thiểu 24 tháng.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2012.

2. Bãi bỏ Quyết định số 31/2008/QĐ-BGTVT ngày 26/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam.

3. Giấy chứng nhận định biên an toàn tối thiểu đã được cấp theo Quyết định số 66/2005/QĐ-BGTVT ngày 30/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam, Quyết định số 31/2008/QĐ-BGTVT ngày

26/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam còn giá trị sử dụng đến ngày hết hiệu lực ghi tại Giấy chứng nhận đó.

4. Thuyền viên có GCNKNCM cấp theo Quyết định số 2115/2001/QĐ-BGTVT ngày 04/7/2001, Quyết định số 103/2002/QĐ-BGTVT ngày 11/01/2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (GCNKNCM được chuyển đổi đặc cách) chỉ được bố trí làm việc trên những tàu có tổng dung tích hoặc tổng công suất máy chính tương ứng với GCNKNCM được cấp. Thuyền viên có GCNKNCM này, để được nâng hạng lên chức danh cao hơn hoặc lên hạng tàu cao hơn phải đáp ứng đủ các điều kiện tương ứng quy định tại các Điều 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38 và 39 của Thông tư này.

5. Từ nay đến ngày 01/7/2013, thuyền viên tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện và bồi dưỡng thì vẫn được cấp chứng chỉ chuyên môn theo tiêu chuẩn của Công ước STCW 1978 sửa đổi 1995. Sau ngày 01/7/2013, thuyền viên sau khi được đào tạo, huấn luyện và bồi dưỡng thì được cấp chứng chỉ chuyên môn theo tiêu chuẩn của Công ước STCW 1978 sửa đổi 2010; riêng đối với các khóa huấn luyện nghiệp vụ nhận thức an ninh tàu biển, thuyền viên có nhiệm vụ an ninh tàu biển cụ thể, sỹ quan an ninh tàu biển thì được cấp chứng chỉ chuyên môn theo tiêu chuẩn của Công ước STCW 1978 sửa đổi 2010 ngay sau khi Thông tư này có hiệu lực thi hành.

6. Các chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên được cấp theo quy định tại Quyết định số 31/2008/QĐ-BGTVT ngày 26/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam vẫn tiếp tục có giá trị sử dụng đến hết ngày 01/01/2017. Sau thời hạn 01/01/2017, các chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên được cấp theo quy định tại Quyết định số 31/2008/QĐ-BGTVT ngày 26/12/2008 sẽ hết hiệu lực. Sau thời hạn 01/07/2017, điều kiện chuyên môn về Tiếng Anh được quy định tại các Điều 22, 23, 25, 27, 29, 30, 31, 32, 34, 35 và 38 của Thông tư này bắt buộc là Tiếng Anh hàng hải.

7. Ban hành kèm theo Thông tư này 16 phụ lục sau:

a) Phụ lục I: mẫu các chứng chỉ chuyên môn;

b) Phụ lục II: mẫu Văn bản đề nghị cấp Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn;

c) Phụ lục III: mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện;

d) Phụ lục IV: mẫu Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện;

đ) Phụ lục V: mẫu Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn;

e) Phụ lục VI: mẫu Văn bản đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn;

g) Phụ lục VII: mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận GOC, ROC, HLNVĐB;

h) Phụ lục VIII: mẫu Văn bản đề nghị cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận GOC, ROC, HLNVĐB;

i) Phụ lục IX: mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính;

k) Phụ lục X: mẫu Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính;

l) Phụ lục XI: mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận GOC, ROC, HLNVĐB; Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn; Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính;

m) Phụ lục XII: mẫu Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận GOC, ROC, HLNVĐB; Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính;

n) Phụ lục XIII: mẫu Đơn đề nghị tham dự khóa đào tạo nâng cao, khóa bồi dưỡng nghiệp vụ, dự thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng;

o) Phụ lục XIV: mẫu Bản khai thời gian đi biển cho sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng;

p) Phụ lục XV: mẫu Văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo, huấn luyện về xét duyệt danh sách học viên tham dự khóa đào tạo nâng cao, khóa bồi dưỡng nghiệp vụ, dự thi sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng;

q) Phụ lục XVI: mẫu Giấy chứng nhận định biên an toàn tối thiểu.

Điều 59. Tổ chức thực hiện

1. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng

Phụ lục I
MẪU CÁC CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Mẫu Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn

1.1. Mẫu Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn *(mặt ngoài):*

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

Giấy chứng nhận này được gia hạn đến: ……..
The validity of the certificate is hereby extended until

……
Chữ ký người được ủy quyền
Signature of duly authorized official

Ngày gia hạn:……
Date of revalidation

....……..……
Tên người được ủy quyền
Name of duly authorized official

Giấy chứng nhận này được gia hạn đến: …….....….....
The validity of the certificate is hereby extended until

……
Chữ ký người được ủy quyền
Signature of duly authorized official

Ngày gia hạn:……
Date of revalidation

……..……..
Tên người được ủy quyền
Name of duly authorized official

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN
KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN

CERTIFICATE OF COMPETENCY

CẤP THEO QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TIÊU CHUẨN HUẤN LUYỆN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ TRỰC CA ĐỐI VỚI THUYỀN VIÊN, 1978, SỬA ĐỔI 2010

ISSUED UNDER THE PROVISIONS OF THE INTERNATIONAL CONVENTION ON STANDARDS OF TRAINING, CERTIFICATION AND WATCHKEEPING FOR SEAFARERS. 1978, AS AMENDED IN 2010

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
VIET NAM MARITIME ADMINISTRATION

1.2. Mẫu Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn *(mặt trong):*

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

Thừa ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
By authorization of the Government of the Socialist Republic of Viet Nam

Cục Hàng hải Việt Nam chứng nhận: …….....
the Viet Nam Maritime Administration hereby certifies that

Ngày sinh của người được cấp giấy chứng nhận: …….....
Date of birth of the holder of the certificate

Có đủ khả năng chuyên môn phù hợp với các điều khoản của quy tắc:…….....
Has been found duly qualified in accordance with the provisions of regulation

Của Công ước nói trên, đã sửa đổi và có đủ khả năng đảm nhiệm các nhiệm vụ sau theo trình độ quy định với những hạn chế đã nêu cho đến: …….....
Of the Convention, as amended, and has been found competent to perform the following functions at the levels specified, subject to any limitations indicated until

hoặc đến ngày hết hạn của bất kỳ sự gia hạn của giấy chứng nhận này như nêu ở trang sau:
or until the date of expiry of any extension of the validity of this certificate as may be shown overleaf:

CHỨC NĂNG **FUNCTION**	**MỨC TRÁCH NHIỆM** **LEVEL**	**HẠN CHẾ (NẾU CÓ)** **LIMITATION APPLYING (IF ANY)**

Người giữ hợp pháp giấy chứng nhận này có thể đảm nhiệm chức danh hoặc các chức danh sau đã được nêu trong các yêu cầu định biên an toàn hiện hành của chính quyền:

The lawful holder of this certificate may serve in the following capacity or capacities specified in the applicable safe manning requirements of the Administration:

CHỨC DANH CAPACITY	**HẠN CHẾ (NẾU CÓ)** LIMITATIONS APPLYING (IF ANY)

Giấy chứng nhận số: ……
Certificate No.

Cấp ngày: …….....……..
issued on

Ảnh của người được cấp giấy chứng nhận
Photograph of the holder of the certificate

.....
Chữ ký người được ủy quyền
Signature of duly authorized official

.....……

Tên người được ủy quyền
Name of duly authorized official

Chữ ký của người được cấp giấy chứng nhận: ….....
Signature of the holder of the certificate

Khi phục vụ trên tàu bản gốc giấy chứng này phải luôn sẵn có theo quy tắc I/2, khoản 11 của Công ước
The original of this certificate must be kept available in accordance with regulation I/2 paragaraph 11 of the Convention while serving on a ship

2. Mẫu Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn

2.1. Mẫu Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (*mặt ngoài*):

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

Giấy công nhận này được gia hạn đến: ……..
The validity of the endorsement is hereby extended until

……
Chữ ký người được ủy quyền
Signature of duly authorized official

Ngày gia hạn:……
Date of revalidation

.....
Tên người được ủy quyền
Name of duly authorized official

Giấy công nhận này được gia hạn đến: ……..….....
The validity of the endorsement is hereby extended until

……
Chữ ký người được ủy quyền
Signature of duly authorized official

Ngày gia hạn:……
Date of revalidation

……..
Tên người được ủy quyền
Name of duly authorized official

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CÔNG NHẬN
GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN

CERTIFICATE OF ENDORSEMENT
ATTESTING THE RECOGNITION
OF THE CERTIFICATE OF COMPETENCY

CẤP THEO QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TIÊU CHUẨN HUẤN LUYỆN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ TRỰC CA ĐỐI VỚI THUYỀN VIÊN, 1978, SỬA ĐỔI 2010

ISSUED UNDER THE PROVISIONS OF THE INTERNATIONAL CONVENTION ON STANDARDS OF TRAINING, CERTIFICATION AND WATCHKEEPING FOR SEAFARERS. 1978, AS AMENDED IN 2010

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
VIET NAM MARITIME ADMINISTRATION

2.2. Mẫu Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (*mặt trong*):

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

Thừa ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
By authorization of the Government of the Socialist Republic of Viet Nam

Cục Hàng hải Việt Nam công nhận rằng Giấy chứng nhận số:.....….....
The Viet Nam Maritime Administration hereby certifies that

được cấp cho: .....
issued to

Ngày sinh của người được cấp giấy chứng nhận:.....
Date of birth of the holder of the certificate

bởi hoặc đại diện của Chính phủ: .....
by or on behalf of the Government of

được công nhận phù hợp với các điều khoản của quy tắc I/10 của Công ước nói trên, đã sửa đổi, và người cầm giấy hợp pháp này được phép thực hiện các nhiệm vụ sau theo trình độ quy đinh với những hạn chế đã nêu cho đến: …….....
is duly recognized in accordance with the provisions of I/10 of the above Convention, as amended, and the lawful holder is authorized to perform the following function, at the levels specified, subject to any limitations indicated until

hoặc đến ngày hết hạn của bất kỳ sự gia hạn của giấy công nhận này như nêu ở trang sau:
or until the date of expiry of any extension of the validity of this endorsement as may be shown overleaf:

CHỨC NĂNG **FUNCTION**	**MỨC TRÁCH NHIỆM** **LEVEL**	**HẠN CHẾ (NẾU CÓ)** **LIMITATION APPLYING (IF ANY)**

Người giữ hợp pháp giấy công nhận này có thể đảm nhiệm chức danh hoặc các chức danh sau đã được nêu trong các yêu cầu định biên an toàn hiện hành của chính quyền:

The lawful holder of this endorsement may serve in the following capacity or capacities specified in the applicable safe manning requirements of the Administration:

CHỨC DANH CAPACITY	**HẠN CHẾ (NẾU CÓ)** LIMITATIONS APPLYING (IF ANY)

Giấy xác nhận số: ……...……
Endorsement No.

Cấp ngày: …….....……..
Issued on

Ảnh của người được cấp giấy chứng nhận
Photograph of the holder of the certificate

.....
Chữ ký người được ủy quyền
Signature of duly authorized official

.....
Tên người được ủy quyền
Name of duly authorized official

Chữ ký của người được cấp giấy chứng nhận:….....
Signature of the holder of the certificate

Khi phục vụ trên tàu bản gốc giấy công nhận này phải luôn sẵn có theo quy tắc I/2, khoản 11 của Công ước
The original of this endorsement must be kept available in Accordance with regulation I/2 paragaraph 11 of the Convention while serving on a ship.

3. Mẫu Giấy xác nhận việc cấp giấy chứng nhận

3.1. Mẫu Giấy xác nhận việc cấp giấy chứng nhận (*mặt ngoài*):

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

Giấy xác nhận này được gia hạn đến: ……..…….....….....
The validity of the endorsement is hereby extended until

……
Chữ ký người được ủy quyền
Signature of duly authorized official

Ngày gia hạn:……
Date of revalidation

..……..
Tên người được ủy quyền
Name of duly authorized official

Giấy chứng nhận này được gia hạn đến: …….....….....
The validity of the endorsement is hereby extended until

……
Chữ ký người được ủy quyền
Signature of duly authorized official

Ngày gia hạn:……
Date of revalidation

……..
Tên người được ủy quyền
Name of duly authorized official

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY XÁC NHẬN
VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

ENDORSEMENT CERTIFICATE ATTESTING THE ISSUANCE OF THE CERTIFICATE

CẤP THEO QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TIÊU CHUẨN HUẤN LUYỆN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ TRỰC CA ĐỐI VỚI THUYỀN VIÊN, 1978, SỬA ĐỔI 2010

ISSUED UNDER THE PROVISIONS OF THE INTERNATIONAL CONVENTION ON STANDARDS OF TRAINING, CERTIFICATION AND WATCHKEEPING FOR SEAFARERS. 1978, AS AMENDED IN 2010

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
VIET NAM MARITIME ADMINISTRATION

3.2. Mẫu Giấy xác nhận việc cấp giấy chứng nhận (*mặt trong*):

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

Thừa ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
By authorization of the Government of the Socialist Republic of Viet Nam

Cục Hàng hải Việt Nam xác nhận rằng Giấy chứng nhận số: …….....
the Viet Nam Maritime *Administration hereby certifies that*

được cấp cho: .....
issued to

Ngày sinh của người được cấp giấy chứng nhận: …….....…….....
Date of birth of the holder of the certificate

Có đủ khả năng chuyên môn phù hợp với các điều khoản của quy tắc:...……...
Who has been found duly qualified in accordance with the provisions of regulation

Của Công ước nói trên, đã sửa đổi và có đủ khả năng đảm nhiệm các nhiệm vụ sau theo trình độ quy đinh với những hạn chế đã nêu cho đến: …...…….....
Of the Convention, as amended, and has been found competent to perform the following functions at the levels specified, subject to any limitations indicated until

hoặc đến ngày hết hạn của bất kỳ sự gia hạn của giấy xác nhận này như nêu ở trang sau:
or until the date of expiry of any extension of the validity of this endorsement as may be shown overleaf:

CHỨC NĂNG **FUNCTION**	**MỨC TRÁCH NHIỆM** **LEVEL**	**HẠN CHẾ (NẾU CÓ)** **LIMITATION APPLYING (IF ANY)**

Người giữ hợp pháp giấy xác nhận này có thể đảm nhiệm chức danh hoặc các chức danh sau đã được nêu trong các yêu cầu định biên an toàn hiện hành của chính quyền:

The lawful holder of this endorsement may serve in the following capacity or capacities specified in the applicable safe manning reguirements of the Aministration

CHỨC DANH CAPACITY	**HẠN CHẾ (NẾU CÓ)** LIMITATIONS APPLYING (IF ANY)

Giấy xác nhận số: ……...……
Endorsement No.

Cấp ngày: …….....……..
Issued on

....……....
Chữ ký người được ủy quyền
Signature of duly authorized official

Ảnh của người được cấp giấy chứng nhận
Photograph of the holder of the certificate

.....……..
Tên người được ủy quyền
Name of duly authorized official

Chữ ký của người được cấp giấy chứng nhận: ….....
Signature of the holder of the certificate

Khi phục vụ trên tàu bản gốc giấy xác nhận này phải luôn sẵn có theo quy tắc I/2, khoản 11 của Công ước
The original of this endorsement must be kept available in Accordance with regulation I/2 paragaraph 11 of the Convention while serving on a ship.

4. Mẫu Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính

4.1. Mẫu Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính (*mặt ngoài*):

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN
HUẤN LUYỆN VIÊN CHÍNH

CERTIFICATE OF INSTRUCTOR

CẤP THEO QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TIÊU CHUẨN HUẤN LUYỆN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ TRỰC CA ĐỐI VỚI THUYỀN VIÊN, 1978, SỬA ĐỔI 2010

ISSUED UNDER THE PROVISIONS OF THE INTERNATIONAL CONVENTION ON STANDARDS OF TRAINING, CERTIFICATION AND WATCHKEEPING FOR SEAFARERS. 1978, AS AMENDED IN 2010

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
VIET NAM MARITIME ADMINISTRATION

4.2. Mẫu Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính (*mặt trong*):

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN VIÊN CHÍNH
Cấp theo quy định của Công ước Quốc tế về Tiêu chuẩn huấn luyện, Cấp giấy chứ nhận và trực ca đối với thuyền viên, 1978, đã sửa đổi 2010

CERTIFICATE OF INSTRUCTOR

Issued under the provisions of the International Convention on Standards of training, Certification and watchkeeping for seafarers, 1978, as amended in 2010

Ảnh
3 x 4

Chữ ký người được cấp giấy chứng nhận :……
Signature of the holder of the certificate

Thừa ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam
By authorization of the Govenrment of the Socialist Republic of Viet Nam, the Viet Nam Marintime Administration hereby

Chứng nhận:……..
Certifies that

Ngày sinh: …….. .....……..
Date of birth

Đã hoàn thành và thi đạt yêu cầu của khóa huấn luyện viên chính theo đúng quy định của Quy tắc ……. Công ước nói trên đã sửa đổi
Has completed and successfully passed the exam of the training course in instructor Under the provisions of the Reg …….of the above Convention, as amended

Giấy chứng nhận số……..
Certificate No.

Cấp ngày……..
Issued on

.....
Chữ ký người được ủy quyền
Signature of duly authorized official

.....
Tên người được ủy quyền
Name of duly authorized official

5. Mẫu Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản

5.1. Mẫu Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản (*mặt ngoài*)

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

Giấy chứng nhận này được gia hạn đến: .....
The validity of this certificate is hereby extended until

Ngày gia hạn: ..... Hiệu trưởng/Giám đốc
Date of revalidation *The Rector/ The Director*

Giấy chứng nhận này được gia hạn đến: .....
The validity of this certificate is hereby extended until

Ngày gia hạn: ..... Hiệu trưởng/Giám đốc
Date of revalidation *The Rector/ The Director*

GHI CHÚ (REMARKS)

1. Nội dung của khóa huấn luyện này dựa trên Giáo trình chuẩn
The syllabus of this training course was based on IMO Model Course(s)
..... của IMO và được tổ chức từ ngày .....
and held *from*
đến ngày ..... tại: .....
to *at*
.....
.....

2. Giấy chứng nhận này được cấp theo đề nghị tại văn bản số
This certificate has been issued upon the proposal stated in the document
..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của Hiệu trưởng
No *dated* *of the Rector*
(Giám đốc) Trường/Trung tâm huấn luyện nói trên.
(the Director) of the above Maritime University/School/Training center

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN
HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ CƠ BẢN

Cấp theo quy định của Công ước Quốc tế về Tiêu chuẩn huấn luyện, Cấp giấy chứng nhận và Trực ca đối với Thuyền viên, 1978, sửa đổi 2010

CERTIFICATE OF PROFICIENCY
IN BASIC TRAINING

Issued under the provisions of the International Convention on Standards of Training, Certification and Watchkeeping for Seafarers, 1978, as amended in 2010

5.2. Mẫu Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản (*mặt trong*)

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN
HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ CƠ BẢN

Cấp theo quy định của Công ước Quốc tế về Tiêu chuẩn huấn luyện, Cấp giấy chứng nhận và Trực ca đối với Thuyền viên, 1978, sửa đổi 2010

CERTIFICATE OF PROFICIENCY
IN BASIC TRAINING

Issued under the provisions of the International Convention on Standards of Training, Certification and Watchkeeping for Seafarers, 1978, as amended in 2010

Ảnh
màu
3 x 4

Chữ ký người được cấp: .....
Holder's Signature

Trường/Trung tâm
The

chứng nhận .....
certifies that

Sinh ngày: ..... Quốc tịch .....
Date of birth *Nationality*

đã hoàn thành và thi đạt yêu cầu của khóa huấn luyện về:

has completed and successfully passed the exam of a training course in:

.....
.....
.....
.....

theo quy định của Quy tắc ..... Công ước nói trên và các
under the provisions of the Regulation *of the above Convention*

quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam
and applicable laws and regulations of Viet Nam

Giấy chứng nhận số ..... cấp ngày .....
Certificate No *issued on*

Có giá trị đến:..... hoặc đến ngày hết hạn của
valid until *or until the date of expiry of and extension*
các lần gia hạn ở trang sau.
of the validity of this certificate as may be shown overleaf.

Hiệu trưởng/ Giám đốc
The Rector/ The Director

6. Mẫu Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ đặc biệt

6.1. Mẫu Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ đặc biệt (*mặt ngoài*)

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

Giấy chứng nhận này được gia hạn đến: .....
The validity of this certificate is hereby extended until

Ngày gia hạn: ..... Hiệu trưởng/ Giám đốc
Date of revalidation *The Rector/ The Director*

Giấy chứng nhận này được gia hạn đến: .....
The validity of this certificate is hereby extended until

Ngày gia hạn: ..... Hiệu trưởng/ Giám đốc
Date of revalidation *The Rector/ The Director*

GHI CHÚ (REMARKS)

1. Nội dung của khóa huấn luyện này dựa trên Giáo trình chuẩn
The syllabus of this training course was based on IMO Model Course(s)
..... của IMO và được tổ chức từ ngày .....
and held *from*
đến ngày ..... tại: .....
to *at*
.....
.....

2. Giấy chứng nhận này được cấp theo đề nghị tại văn bản số
This certificate has been issued upon the proposal stated in the document
..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của Hiệu trưởng
No *dated* *of the Rector*
(Giám đốc) Trường/Trung tâm huấn luyện nói trên.
(the Director) of the above Maritime University/School/Training center

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN
HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ ĐẶC BIỆT

Cấp theo quy định của Công ước Quốc tế về Tiêu chuẩn huấn luyện, Cấp giấy chứng nhận và Trực ca đối với Thuyền viên, 1978, sửa đổi 2010

CERTIFICATE OF PROFICIENCY
IN SPECIAL TRAINING

Issued under the provisions of the International Convention on Standards of Training, Certification and Watchkeeping for Seafarers, 1978, as amended in 2010

6.2. Mẫu Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ đặc biệt (*mặt trong*)

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN
HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ ĐẶC BIỆT

Cấp theo quy định của Công ước Quốc tế về Tiêu chuẩn huấn luyện, Cấp giấy chứng nhận và Trực ca đối với Thuyền viên, 1978, sửa đổi 2010

CERTIFICATE OF PROFICIENCY
IN SPECIAL TRAINING

Issued under the provisions of the International Convention on Standards of Training, Certification and Watchkeeping for Seafarers, 1978, as amended in 2010

Ảnh
màu
3 x 4

Chữ ký người được cấp:.....
Holder's Signature

Trường/Trung tâm
The

chứng nhận .....
certifies that

Sinh ngày:..... Quốc tịch.....
Date of birth *Nationality*

Đã hoàn thành và thi đạt yêu cầu của khóa huấn luyện về:

has completed and successfully passed the exam of a training course in:
.....
.....
.....
.....

theo nội dung quy định của Quy tắc..... Công ước nói trên
provided by the provisions of the Reg. *of the above*

và các quy định pháp luật hiện hành khác của Việt Nam
Convention and other regulations in force in the S.R. Vietnam

Giấy chứng nhận số..... cấp ngày.....
Certificate No *issued on*

Có giá trị đến..... hoặc đến ngày hết hạn của
Valid until *or until the date of expiry of and extension*
các lần gia hạn ở trang sau.
of the validity of this certificate as may be shown overleaf.

Hiệu trưởng/Giám đốc
The Rector/The Director

7. Mẫu Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn

7.1. Mẫu Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn (*mặt ngoài*)

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

Giấy chứng nhận này được gia hạn đến: .....
The validity of this certificate is hereby extended until

Ngày gia hạn: ..... Hiệu trưởng/ Giám đốc
Date of revalidation *The Rector/ The Director*

Giấy chứng nhận này được gia hạn đến: .....
The validity of this certificate is hereby extended until

Ngày gia hạn: ..... Hiệu trưởng/ Giám đốc
Date of revalidation *The Rector/ The Director*

GHI CHÚ (REMARKS)

1. Nội dung của khóa huấn luyện này dựa trên Giáo trình chuẩn
The syllabus of this Training course was based on IMO Model Course(s)
..... của IMO và được tổ chức từ ngày .....
and held *from*
đến ngày ..... tại: .....
to *at*
.....
.....

2. Giấy chứng nhận này được cấp theo đề nghị tại văn bản số
This certificate has been issued upon the proposal stated in the document
..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của Hiệu trưởng
No *dated* *of the Rector*
(Giám đốc) Trường/Trung tâm huấn luyện nói trên.
(the Director) of the above Maritime University/School/Training center

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN
HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN

Cấp theo quy định của Công ước Quốc tế về Tiêu chuẩn huấn luyện, Cấp giấy chứng nhận và Trực ca đối với Thuyền viên, 1978, sửa đổi 2010

CERTIFICATE OF PROFICIENCY
IN PROFESSIONAL TRAINING

Issued under the provisions of the International Convention on Standards of Training, Certification and Watchkeeping for Seafarers, 1978, as amended in 2010

7.2. Mẫu Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn (*mặt trong*)

(Kích thước 14 cm x 20 cm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN
HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN

Cấp theo quy định của Công ước Quốc tế về Tiêu chuẩn huấn luyện, Cấp giấy chứng nhận và Trực ca đối với Thuyền viên, 1978, sửa đổi 2010

CERTIFICATE OF PROFICIENCY
IN PROFESSIONAL TRAINING

Issued under the provisions of the International Convention on Standards of Training, Certification and Watchkeeping for Seafarers, 1978, as amended in 2010

Ảnh
màu
3x4

Chữ ký người được cấp: .....
Holder's Signature

Trường/Trung tâm
The

chứng nhận .....
certifies that

Sinh ngày: ..... Quốc tịch .....
Date of birth *Nationality*

Đã hoàn thành và thi đạt yêu cầu của khóa huấn luyện về:

has completed and successfully passed the exam of a training course in:

.....
.....
.....
.....

theo quy định của Quy tắc ..... Công ước nói trên và các
under the provisions of the Reg. *of the above Convention*

quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam
and applicable laws and regulations of Viet Nam

Giấy chứng nhận số ..... cấp ngày .....
Certificate No *issued on*

Có giá trị đến ..... hoặc đến ngày hết hạn của
Valid until *or until the date of expiry of and extension*
các lần gia hạn ở trang sau.
of the validity of this certificate as may be shown overleaf.

Hiệu trưởng/Giám đốc
The Rector/The Director

Phụ lục II
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CÔNG NHẬN GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN
(Kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên công ty

Số:...../.....
V/v:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Căn cứ Thông tư số...../2012/TT-BGTVT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc..... (tên công ty) kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, cấp Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho thuyền viên có tên sau:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Quốc tịch	Chức danh	Số Giấy chứng nhận KNCM	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Thời hạn hợp đồng lao động

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, Phòng.....

Lãnh đạo công ty
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục III

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN THỦY THỦ TRỰC CA, THỢ MÁY TRỰC CA, THỢ KỸ THUẬT ĐIỆN

(Kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN THỦY THỦ TRỰC CA, THỢ MÁY TRỰC CA, THỢ KỸ THUẬT ĐIỆN

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

1. Họ và tên:.....
2. Ngày sinh:.....
3. Giấy chứng minh nhân dân số:....., ngày cấp....., nơi cấp.....
4. Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận tốt nghiệp hoặc Quyết định tốt nghiệp số:..... ngày cấp....., nơi cấp.....
5. Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản số:..... ngày cấp.....
6. Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ nhận thức an ninh tàu biển số..... ngày cấp.....
7. Giấy chứng nhận học trái ngành (*nếu có*) số:..... ngày cấp....., nơi cấp.....
8. Giấy chứng nhận học nâng cao (*nếu có*) số:..... ngày cấp....., nơi cấp.....
9. Thời gian tập sự trên tàu biển (*nếu có*):

TT	Tên tàu	Chủ tàu	Loại tàu	Tổng dung tích	Tổng công suất máy chính	Chức danh	Thời gian (từ.... đến.....)

Căn cứ Thông tư số...../2012/TT-BGTVT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ GTVT về.....
Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam cấp GCNKNCM..... cho tôi.

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người đề nghị
(*Ký và ghi rõ họ tên)*

Phụ lục IV

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN THỦY THỦ TRỰC CA, THỢ MÁY TRỰC CA, THỢ KỸ THUẬT ĐIỆN

(Kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên công ty	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../.....	
V/v:.....	*....., ngày..... tháng.....năm.....*

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Căn cứ Thông tư số...../2012/TT-BGTVT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc..... (tên Công ty) kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn.....cho những thuyền viên có tên dưới đây:

1.....

2.....

3.....

Hồ sơ kèm theo gồm có:.....

.....

.....

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:	**Lãnh đạo công ty**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
- Lưu: VT, Phòng.....	

Phụ lục V
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN
(Kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

1. Họ và tên:.....
2. Ngày sinh:.....
3. Sổ thuyền viên số:..... ngày cấp..... nơi cấp.....
4. Giấy CNKNCM số..... ngày cấp..... ngày hết hạn.....
5. Thời gian đảm nhận chức danh trên tàu biển:

TT	Tên tàu	Chủ tàu	Loại tàu	Tổng dung tích	Tổng công suất máy chính	Chức danh	Thời gian (từ... đến...)	Ghi chú

Căn cứ Thông tư số...../2012/TT-BGTVT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ GTVT về.....
Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam gia hạn GCNKNCM..... cho tôi.

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người đề nghị
(*Ký và ghi rõ họ tên)*

Phụ lục VI
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN
(Kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên công ty	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../.....	
V/v:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Căn cứ Thông tư số...../2012/TT-BGTVT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc..... (tên công ty) kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, gia hạn Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho những thuyền viên có tên dưới đây:

1.....

2.....

3.....

Hồ sơ kèm theo gồm có:.....

.....

.....

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:	**Lãnh đạo công ty**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
- Lưu: VT, Phòng.....	

Phụ lục VII
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GOC, ROC, GCNHLNVĐB
(Kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY XÁC NHẬN VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GOC, ROC, HLNVĐB

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

1. Họ và tên:.....
2. Ngày sinh:.....
3. Giấy chứng minh nhân dân số:..... ngày cấp..... nơi cấp.....
4. Giấy chứng nhận:

TT	Giấy chứng nhận GOC, ROC, HLNVĐB	Số GCN	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Nơi cấp	Ghi chú

Căn cứ Thông tư số...../2012/TT-BGTVT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ GTVT về.....

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam cấp Giấy xác nhận việc cấp giấy chứng nhận cho tôi.

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người đề nghị
(*Ký và ghi rõ họ tên)*

Phụ lục VIII

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GOC, ROC, GCNHLNVĐB

(Kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên công ty	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../.....	
V/v:.....	*....., ngày..... tháng.....năm.....*

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Căn cứ Thông tư số...../2012/TT-BGTVT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc..... (tên công ty) kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, cấp Giấy xác nhận..... cho những thuyền viên có tên dưới đây:

1.....

2.....

3.....

Hồ sơ kèm theo gồm có:.....

.....

.....

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:	**Lãnh đạo công ty**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
- Lưu: VT, Phòng.....	

Phụ lục IX
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN VIÊN CHÍNH
(Kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN CHÍNH

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

1. Họ và tên:.....

2. Ngày sinh:.....

3. Nơi sinh:.....

4. Giấy chứng minh nhân dân số:..... ngày cấp..... nơi cấp.....

Căn cứ Thông tư số...../2012/TT-BGTVT ngày.....tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về....., Tôi đã hoàn thành và thi đạt yêu cầu khóa huấn luyện viên chính..... do cơ sở đào tạo..... tổ chức từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính cho tôi.

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người đề nghị
(*Ký và ghi rõ họ tên)*

Phụ lục X
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN VIÊN CHÍNH
(Kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên Cơ sở đào tạo	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../.....	
V/v:.....	*....., ngày..... tháng.....năm.....*

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Căn cứ Thông tư số...../2012/TT-BGTVT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về..... (*tên cơ sở đào tạo, huấn luyện*) kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính cho các huấn luyện viên chính có tên sau đã hoàn thành và thi đạt yêu cầu khóa huấn luyện viên chính (có Quyết định công nhận kèm theo) do cơ sở đào tạo, huấn luyện tổ chức:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Tên Khóa huấn luyện viên chính đã tham dự	Từ ngày đến ngày

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:	**Thủ trưởng đơn vị**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
- Lưu: VT, Phòng.....	

Phụ lục XI

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GCNKNCM, GIẤY XÁC NHẬN VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GOC, ROC, GCNHLNVĐB, GIẤY CÔNG NHẬN GCNKNCM, GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN VIÊN CHÍNH

(Kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GCNKNCM, GIẤY XÁC NHẬN VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GOC, ROC, GCNHLNVĐB, GIẤY CÔNG NHẬN GCNKNCM, GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN VIÊN CHÍNH

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

1. Họ và tên:.....
2. Ngày sinh:.....
3. Chứng minh nhân dân số..... ngày cấp..... nơi cấp.....
4. Sổ thuyền viên số:..... ngày cấp..... nơi cấp.....
5. GCN số..... ngày cấp..... ngày hết hạn.....
6. Thời gian đảm nhận chức danh trên tàu biển (*nếu có*):

TT	Tên tàu	Chủ tàu	Loại tàu	Tổng dung tích	Tổng công suất máy chính	Chức danh	Thời gian (từ.... đến...)	Ghi chú

Căn cứ Thông tư số...../2012/TT-BGTVT ngày..... tháng.....năm..... của Bộ Giao thông vận tải về.....

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam cấp lại Giấy..... cho tôi với lý do.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người đề nghị
(*Ký và ghi rõ họ tên)*

Phụ lục XII

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GCNKNCM, GIẤY XÁC NHẬN VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GOC, ROC, GCNHLNVĐB, GIẤY CÔNG NHẬN GCNKNCM, GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN VIÊN CHÍNH

(Kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên công ty	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../.....	
"V/v:....."	*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Căn cứ Thông tư số...../2012/TT-BGTVT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ GTVT về.....

(Tên công ty) kính đề nghị Cục HHVN xem xét, cấp lại Giấy..... cho những thuyền viên có tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số GCNKNCM, GXN, GCN, GCNHLVC	Ngày cấp	Ngày hết hạn

Hồ sơ kèm theo gồm có:.....

.....

.....

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:	**Lãnh đạo công ty**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
- Lưu: VT, Phòng.....	

Phụ lục XIII

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM DỰ KHÓA ĐÀO TẠO NÂNG CAO, KHÓA BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ, DỰ THI SỸ QUAN, THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG

(Kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

THAM DỰ KHÓA ĐÀO TẠO NÂNG CAO, KHÓA BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ, DỰ THI SỸ QUAN, THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG

Ngành:.....

Kính gửi:.....

1. Họ và tên:.....
2. Ngày sinh:.....
3. Nơi sinh:.....
4. Đơn vị công tác hiện nay:.....

.....

Tôi làm đơn này kính đề nghị..... xét duyệt cho tôi được tham dự khóa.....

Tôi xin chân thành cảm ơn!

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục XIV

MẪU BẢN KHAI THỜI GIAN ĐI BIỂN CHO SỸ QUAN, THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG

(Kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THỜI GIAN ĐI BIỂN

CHO SỸ QUAN, THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG

Mức:.....

Ngành:.....

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

1. Họ và tên:.....
2. Ngày sinh:.....
3. Nơi sinh:.....
4. Đơn vị công tác hiện nay:.....
5. Thời gian đảm nhận chức danh trên tàu biển:

TT	Thời gian (từ tháng, năm đến tháng, năm)	Tên tàu	Chủ tàu	Loại tàu	Chức danh	Tổng dung tích (GT)	Tổng công suất máy chính (KW)	Tổng số tháng làm việc trên tàu	Ghi chú

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đề nghị

(*Ký và ghi rõ họ tên)*

Phụ lục XV

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN VỀ XÉT PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC VIÊN THAM DỰ KHÓA ĐÀO TẠO NÂNG CAO, KHÓA BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ, DỰ THI SỸ QUAN, THI THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG

(Kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../.....	
V/v.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Căn cứ Thông tư số...../2012/TT-BGTVT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về..... (tên cơ sở đào tạo, huấn luyện) kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xét duyệt danh sách khóa đào tạo nâng cao, khóa (bồi dưỡng nghiệp vụ, dự thi sỹ quan, thi thuyền trưởng, máy trưởng) cụ thể như sau:

1. Hồ sơ của học viên (danh sách kèm theo).

2. Thời gian mở khóa.....:

3. Địa điểm thi:

(Cơ sở đào tạo, huấn luyện) kính đề Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, phê duyệt và ban hành quyết định./.

Nơi nhận:	**Thủ trưởng đơn vị**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
- Lưu: VT, Phòng.....	

Phụ lục XVI
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỊNH BIÊN AN TOÀN TỐI THIỂU

(Kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
VIETNAM MARITIME ADMINISTRATION

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỊNH BIÊN AN TOÀN TỐI THIỂU
CERTIFICATE OF MINIMUM SAFE MANNING

Cấp theo quy định của Quy tắc V/13(b) SOLAS 74/78 đã sửa đổi, Bộ luật Hàng hải Việt Nam và Thông tư số...../TT-BGTVT ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Issued under the provisions of Regulation V/13 (b) SOLAS 74/78 as amended, the Vietnamese Maritime Code and Circular No. ...../TT-BGTVT dated ..... of the Minister of Transport

Được sự ủy quyền của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, phù hợp với những quy định hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cơ quan Đăng ký Tàu biển..... chứng nhận:

By the authorization of the Chairman of the Vietnam Maritime Administration, in compliance with the existing regulations of the Socialist Republic of Vietnam, the Ship Registration Office at ..... certifies:

Tên tàu (Ship's Name) ..... Hô hiệu (Call Sign).....
Loại tàu (Type of ship) ..... Số IMO (IMO number).....
Tổng dung tích (Gross Tonnage)..... Cảng đăng ký (Port of Registry).....
Vùng hàng hải (Navigational Area)..... Công suất máy (Propulsion Power)).....
Buồng máy có người trực ca thường xuyên không (Periodically unattended machinery space): có/không (yes/no) .....

Chức danh (Ranks)	Số lượng (Number)	Chức danh (Ranks)	Số lượng (Number)
Thuyền trưởng (Master)		Máy trưởng (Chief Engineer)	
Đại phó (Chief Officer)		Máy hai (Second Engineer)	
Sỹ quan boong (Deck Officer)		Sỹ quan máy (Engine Officer)	
Thủy thủ trực ca (Deck Watchkeeping Rating)		Thợ máy trực ca (Engine Watchkeeping Rating)	
Sỹ quan TTVT hoặc Sỹ quan boong có G.O.C (Radio Officer or Deck Officer holding G.O.C)			

Ghi chú (Remark):.....
.....
Trình độ chuyên môn và số lượng chức danh nêu trong bảng trên bảo đảm định biên an toàn của tàu, người, hàng hóa và môi trường phù hợp với Nghị quyết A.890(21) của Tổ chức Hàng hải quốc tế và Bộ luật Hàng hải Việt Nam.
The ranks and the number of personnel shown in the above-mentioned table are for safe manning of the ship, life, cargo and environment in accordance with IMO Resolution A.890(21) and the Vietnamese Maritime Code.
Giấy chứng nhận này có giá trị theo Giấy chứng nhận Đăng ký tàu.
This Certificate is subject to the validity of the Certificate of Registry.

Cấp tại....., ngày.....
Issued at *Date*

Số:...../ĐKTB
No.